

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt và ban hành Chương trình dạy học trình độ đại học
ngành Giới và Phát triển, Mã số: 7310399**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 516/QĐ-HVPNVN ngày 02/8/2021 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-HVPNVN ngày 15/9/2021 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam về phê duyệt Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra ngành Giới và Phát triển;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt và ban hành Chương trình dạy học trình độ đại học ngành Giới và Phát triển (có văn bản chi tiết kèm theo);

Điều 2: Phòng Đào tạo, Khoa Giới và Phát triển và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể khoá tuyển sinh năm học 2021-2022.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Học viện
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trần Quang Tiến

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN

*(Ban hành theo Quyết định số 619/QĐ-HVPNVN ngày 15 tháng 9 năm 2021
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

1. Giới thiệu chung về Chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Giới và Phát triển
 - + Tên tiếng Anh: Gender and Development
 - + Mã số ngành đào tạo: 7310399
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 3,5 năm, thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 6 năm.
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam công bố đầu năm dương lịch hàng năm.
- Xét tuyển theo các phương thức: tuyển thẳng, xét tuyển học bạ và theo kết quả thi THPT Quốc gia.

3. Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học

3.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ: 121 tín chỉ, chưa kể các học phần tiếng Anh (10 TC), giáo dục thể chất (3 TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC).
- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:
 - + Giáo dục đại cương: 34 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 26 tín chỉ, các học phần tự chọn là 4 tín chỉ.
 - + Cơ sở ngành: 18 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 14 tín chỉ, các học phần tự chọn là 4 tín chỉ.

+ Ngành và chuyên ngành: 47 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 41 tín chỉ, các học phần tự chọn là 6 tín chỉ.

+ Bổ trợ: 4 tín chỉ tự chọn.

+ Chuyên đề thực hành: 7 tín chỉ.

+ Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp: 11 tín chỉ.

- Tỷ lệ tín chỉ thực hành, thực tập, kỹ năng/tổng số tín chỉ là: 38,0% (46/121).

3.2. Khung chương trình dạy học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
3.1. Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính GDTC và GDQP) (34 tín chỉ)			
3.1.1 Lý luận chính trị (11 tín chỉ)			
1.	DHCT13	Triết học Mác-Lê nin	3
2.	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2
3.	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4.	DHCT16	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5.	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3.1.2 Ngoại ngữ, Tin học, GD thể chất, GD quốc phòng (không tính số TC tiếng Anh cơ bản, GD thể chất, GD quốc phòng) (6 tín chỉ)			
		Tiếng Anh cơ bản (Course 1)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 2)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 3)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4 plus)	
6.	DHNT08	Tiếng Anh chuyên ngành Giới và Phát triển	3
7.	DHIT33	Tin học đại cương	3
8.	DHGG03 DHGG04 DHGG07	Giáo dục thể chất	3
9.	DHGG09	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8
3.1.3 Khoa học xã hội - Khoa học tự nhiên (13 tín chỉ)			
10.	DHXXH01	Xã hội học đại cương	2
11.	DHLD58	Pháp luật đại cương	2
12.	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
13.	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
14.	DHTL22	Tâm lý học đại cương	2
15.	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
<i>3.1.4 Các học phần tự chọn (4 TC - Sinh viên chọn 2 trong 5 học phần)</i>			
16.	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo	2
	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp	2
17.	DHTL09	Kỹ năng sống	2
	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2
	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên	2
3.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (87 tín chỉ)			
<i>3.2.1 Kiến thức cơ sở của khối ngành (18 tín chỉ)</i>			
<i>Các học phần bắt buộc (14 tín chỉ)</i>			
18.	DHGS02	Lý thuyết phát triển	3
19.	DHCB23	Phát triển cộng đồng	3
20.	DHGS01	Nhập môn Giới và Phát triển	3
21.	DHGH02	Phụ nữ học	3
22.	DHNC10	Điều tra xã hội học	2
<i>Các học phần tự chọn (4TC - Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần)</i>			
23.	DHXXH03	Dân số và phát triển	2
	DHTL21	Tâm lý học giới	2
24.	DHGH09	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng	2
	DHGH01	Quyền con người	2
3.2.2 Kiến thức của ngành (47 tín chỉ)			
<i>3.2.2.1 Kiến thức chung của ngành (8 tín chỉ)</i>			
25.	DHLD22	Pháp luật về bình đẳng giới	2
26.	DHGS13	Phân tích giới	3
27.	DHGS14	Lồng ghép giới	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
3.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành (39 tín chỉ)			
<i>Các học phần bắt buộc (33 tín chỉ)</i>			
28.	DHGS11	Giới trong chính trị	3
29.	DHGS12	Giới trong chính sách công	3
30.	DHKT33	Giới trong kinh tế và quản trị	3
31.	DHGS10	Giới và an sinh xã hội	3
32.	DHGS04	Giới trong giáo dục và đào tạo	3
33.	DHGS05	Giới trong dân số và gia đình	3
34.	DHGS09	Giới trong khoa học và công nghệ	3
35.	DHGH03	Giới và truyền thông đại chúng	3
36.	DHGS15	Đánh giá tác động giới	3
37.	DHGS07	Giới trong chăm sóc sức khỏe	3
38.	DHGH06	Nghiệp vụ công tác phụ nữ	3
<i>Các học phần tự chọn (6 tín chỉ - Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần)</i>			
39. 40.	DHGS08	Giới và phát triển nông thôn bền vững	3
	DHGH05	Giới, văn hóa và phát triển	3
	DHGS06	Giới và môi trường	3
	DHGH08	Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	3
3.2.3 .Kiến thức bổ trợ (4 tín chỉ - Sinh viên chọn 2 trong 5 học phần)			
41. 42.	DHLH45	Soạn thảo văn bản	2
	DHVVH10	Tổ chức sự kiện	2
	DHTL19	Kỹ năng tư duy	2
	DHGH10	Kỹ năng tuyên truyền vận động giới	2
	DHGH12	Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển	2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
3.2.4. Chuyên đề thực hành (7 tín chỉ)			
43.	DHGS16	Thực hành phân tích, lồng ghép giới	3
44.	DHGH13	Thực hành xây dựng và quản lý dự án phát triển	2
45.	DHGH11	Thực hành kỹ năng tuyên truyền vận động giới	2
3.2.5. Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (11 tín chỉ)			
46.	DHGH14	Thực tập tốt nghiệp	5
47. 48.	DHGH15	Khóa luận tốt nghiệp Hoặc với sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận: Học 2 học phần thay thế trong các môn kiến thức chuyên sâu tự chọn mà sinh viên chưa chọn.	6

3.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1 - 2)

HỌC KỲ 1			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Không
2	Lý thuyết phát triển	3	Không
3	Học phần tự chọn 1 (phần 3.1.4)	2	Không
4	Xã hội học đại cương	2	Không
5	Pháp luật đại cương	2	Không
6	Tin học đại cương	3	Không
7	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3	Không
8	Giáo dục thể chất 1	(1)	Không
Tổng		17 tín chỉ (không tính GD thể chất)	

HỌC KỲ 2			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Triết học Mác – Lênin	3	Không
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Không
3	Nhập môn Giới và Phát triển	3	Không
4	Học phần tự chọn 2 (phần 3.2.1)	2	Không
5	Pháp luật bình đẳng giới	2	Không
6	Phụ nữ học	3	Không
7	Giáo dục thể chất 2	(1)	Giáo dục thể chất 1
8	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết	Không
Tổng		15 tín chỉ (không tính GD thể chất) 165 tiết giáo dục quốc phòng - an ninh.	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3 – 4)

HỌC KỲ 3			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Triết học Mác-Lênin
2	Kiến thức bổ trợ - Học phần 1 (phần 3.2.3)	2	Nhập môn Giới và Phát triển
3	Tâm lý học đại cương	2	Không
4	Phát triển cộng đồng	3	Không
5	Phân tích giới	3	Nhập môn Giới và Phát triển
6	Học phần tự chọn 3 (phần 3.1.4)	2	Không
7	Học phần tự chọn 4 (phần 3.2.1)	2	Không
8	Học phần tự chọn 5 (phần 3.2.2)	3	Không
9	Giáo dục thể chất 3	(1)	Giáo dục thể chất 2
Tổng		19 tín chỉ (không tính GD thể chất)	

HỌC KỲ 4			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
2	Kiến thức bổ trợ - Học phần 2 (phần 3.2.3)	2	Nhập môn Giới và Phát triển
3	Nghịệp vụ công tác phụ nữ	3	Phụ nữ học
4	Điều tra xã hội học	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học
5	Lồng ghép giới	3	Phân tích giới
6	Giới trong Dân số và Gia đình	3	Nhập môn Giới và Phát triển
7	Giới và truyền thông đại chúng	3	Nhập môn Giới và Phát triển
8	Học phần tự chọn 6 (phần 3.2.2)	3	Nhập môn Giới và Phát triển
Tổng		21 tín chỉ	

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)

HỌC KỲ 5			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Giới trong kinh tế và quản trị	3	Nhập môn Giới và Phát triển
3	Thực hành tuyên truyền vận động giới	2	Kỹ năng tuyên truyền vận động giới
4	Thực hành phân tích, lồng ghép Giới	3	Phân tích giới, Lồng ghép giới
5	Thực hành xây dựng và quản lý dự án phát triển	2	Lý thuyết phát triển
6	Giới trong chính sách công	3	Nhập môn Giới và Phát triển
7	Giới trong giáo dục và đào tạo	3	Nhập môn Giới và Phát triển
8	Đánh giá tác động giới	3	Phân tích giới
Tổng		21 tín chỉ	

HỌC KỲ 6			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Giới trong chăm sóc sức khỏe	3	Nhập môn Giới và phát triển
3	Tiếng Anh chuyên ngành Giới và Phát triển	3	Tiếng Anh cơ bản
4	Giới trong khoa học và công nghệ	3	Nhập môn Giới và Phát triển
5	Giới và an sinh xã hội	3	Nhập môn Giới và Phát triển
6	Giới trong chính trị	3	Nhập môn Giới và Phát triển
Tổng		17 tín chỉ	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7)

HỌC KỲ 7			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Thực tập nghề nghiệp	5	
2	Khóa luận tốt nghiệp/ Học 2 học phần thay thế trong các môn kiến thức chuyên sâu tự chọn mà sinh viên chưa chọn.	6	
Tổng		11 tín chỉ	

Ghi chú: Đối với chương trình thiết kế 3,5 năm, đảm bảo việc tổ chức đào tạo học kỳ 7 (kỳ cuối) được rút ngắn dưới 15 tuần, tổ chức thi sớm, xét tốt nghiệp sớm để hoàn thành trao bằng tốt nghiệp trước 31/1 hàng năm; có thể sẽ không bố trí nghỉ hè của năm thứ ba.

3.4. Về tổ chức đào tạo tiếng Anh cơ bản

Sinh viên nghiên cứu kỹ quy chế đào tạo và hướng dẫn tổ chức dạy tiếng Anh cơ bản cho sinh viên của Học viện Phụ nữ Việt Nam, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp. Các yêu cầu cơ bản như sau:

a) Tuần đầu tiên của học kỳ 1 năm thứ nhất, toàn bộ sinh viên năm thứ nhất (ngoại trừ những sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hợp lệ) **PHẢI** tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh để nhà trường xác định được trình độ tiếng Anh đầu vào và làm căn cứ xếp lớp học. Các sinh viên đạt yêu cầu về điểm thi hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thì được miễn học tối đa 2 khóa học cơ bản và được xếp vào các lớp có trình độ tương đương.

b) Trên cơ sở kết quả đánh giá đầu vào, sinh viên đăng ký học tập tiếng Anh cơ bản và nộp học phí tại Trung tâm CETCAW thuộc Học viện theo lịch giảng dạy của từng khóa học (course), đảm bảo không trùng với lịch học tập của các học phần trong chương trình đào tạo.

- Kết thúc mỗi năm học, trung tâm CETCAW sẽ gửi kết quả đánh giá hoàn thành các khóa học, bao gồm cả việc xác minh kết quả học tập tiếng Anh từ bên ngoài của sinh viên, tổng hợp theo mã số sinh viên về phòng Đào tạo để cập nhật vào hệ thống.

- Những sinh viên không tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh sẽ đăng ký học từ đầu (course 1) tại trung tâm CET-CAW

- Những sinh viên không tham gia học tập tiếng Anh cơ bản tại trung tâm CETCAW thuộc Học viện **PHẢI** gửi minh chứng trình độ tiếng Anh theo số tín chỉ tích lũy về trung tâm CETCAW để kiểm tra, xác nhận chậm nhất vào tuần học thứ 15 kỳ 2 của mỗi năm học. Nếu không có minh chứng, sinh viên sẽ phải đăng ký tham gia kỳ thi tiếng Anh cuối mỗi năm học do CETCAW tổ chức.

- Quá trình học tập và Kết quả học tập tiếng Anh là căn cứ để xác định số lượng tín chỉ tối đa được đăng ký trong mỗi học kỳ của năm học tiếp theo, là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và tốt nghiệp của sinh viên.

- Các sinh viên học tiếng Anh cơ bản tại Trung tâm CETCAW sẽ được cam kết cung cấp dịch vụ đào tạo có chất lượng, với chi phí học tập thấp do được hưởng chính sách hỗ trợ học phí từ Học viện.

c) Sau khi hoàn thành 4 khóa học tiếng Anh cơ bản, sinh viên đăng ký thi chứng chỉ đầu ra tiếng Anh tại trung tâm CETCAW chậm nhất vào kỳ 2 của năm thứ tư. Khuyến khích các sinh viên đăng ký thi chứng chỉ quốc tế do trung tâm CETCAW phối hợp với đối tác tổ chức để đảm bảo các chứng chỉ có giá trị trong tuyển dụng, nộp hồ sơ đăng ký các bậc học cao hơn hoặc cho các mục đích cá nhân khác.

4. Phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập

4.1. Phương pháp dạy học

Việc đào tạo cử nhân ngành Giới và Phát triển được tiến hành tại Học viện và cơ sở thực tập theo phương thức cụ thể như sau:

Phương pháp chung: Lấy người học làm trung tâm. Cụ thể hơn:

- a) Đối với các học phần lý thuyết: học lý thuyết tại lớp, kết hợp thảo luận hoặc thực hành (theo đề cương chi tiết các học phần đã xác định).
- b) Với các học phần kỹ năng: Trao đổi, thực hành thông qua các dự án mẫu, các tình huống thực tế. Đa dạng về phương pháp, gắn liền với thực tiễn công việc. Sinh viên được trao đổi, thảo luận với giảng viên, chuyên gia mời. Khuyến khích sinh viên tham gia các hội thảo, các chương trình, dự án phát triển.
- c) Với các học phần chuyên ngành (kiến thức, kỹ năng): Sinh viên được khuyến khích viết các bài thu hoạch, bài chuyên sâu, có hướng dẫn của giảng viên giảng dạy môn học, để trình bày tại hội thảo khoa học sinh viên cấp khoa.
- d) Đối với các học phần thực hành, thực tập: được thực hiện tại các cơ quan, tổ chức, địa phương, cụ thể như sau:

- *Học phần thực hành*: Các học phần thực hành như Thực hành phân tích, Lồng ghép giới, Thực hành Xây dựng và Quản lý Dự án phát triển, Thực hành tuyên truyền, vận động giới, thường được tổ chức học vào cùng một thời điểm (Học kỳ 5). Sinh viên thực hành tại cơ quan, tổ chức hoặc địa phương, báo cáo kết quả thực tập với giảng viên.

- *Thực tập tốt nghiệp*: Tìm hiểu sâu về hoạt động của các cơ sở thực tập, các hoạt động chuyên môn, viết Báo cáo thực tập. Trước khi thực tập, sinh viên được giảng viên hướng dẫn chi tiết về yêu cầu thực tập, yêu cầu sản phẩm thực tập. Sinh viên thực tập trong 6-8 tuần, nộp lại Báo cáo thực tập, Nhật ký thực tập, và Xác nhận của cơ sở thực tập, có chấm điểm. Báo cáo thực tập được 2 giảng viên đánh giá độc lập. Cuối kỳ thực tập có phần chia sẻ, rút kinh nghiệm.

4.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Quy định cụ thể trong quy chế đào tạo - Học viện Phụ nữ Việt Nam. Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng quy chế của học chế tín chỉ.

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử.

- Các hình thức, phương pháp đánh giá quá trình, đánh giá cuối ở tất cả các học phần: bài tập, bài tự luận, bài thi viết, nghiên cứu trường hợp, báo cáo, bài tập nhóm, vấn đáp, dự án,...

- Thang điểm đánh giá chung; cơ cấu điểm thành phần, điểm cuối kỳ: Điểm thành phần và điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Phòng Đào tạo có trách nhiệm quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 và điểm chữ.

- Cơ chế, hình thức công khai kết quả đến sinh viên, tiếp nhận sự phản hồi ý kiến từ sinh viên: Kết quả học tập được công khai trên hệ thống tài khoản điện tử của sinh viên, đảm bảo nhanh chóng và dễ dàng tra cứu.

- Dự kiến rà soát, thay đổi phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo: Phương pháp đánh giá kết quả học tập được rà soát, thay đổi theo sự rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo (2 năm một lần).

5. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học Mác – Lênin (Philosophy) DHCT13	Học phần trang bị cho sinh viên khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin; chủ nghĩa duy vật biện chứng và hệ thống lý luận và phương pháp luận cơ bản của triết học theo quan điểm duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử và lý luận về hình thái kinh tế - xã hội, các quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người. Từ đó, vận dụng vào xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist-Leninist Political Economics) DHCT14	Học phần gồm 6 nội dung cơ bản. Trong đó, Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của học phần. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và quá quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
		- Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam: Lịch sử hình thành, thực trạng phát triển, một số vấn đề cơ bản trong chính sách an sinh xã hội Việt Nam; - Vấn đề giới trong các trụ cột an sinh xã hội: Việc làm và thu nhập, giảm nghèo, bảo hiểm, trợ giúp xã hội, dịch vụ xã hội; - Giải pháp giải quyết vấn đề giới trong các trụ cột an sinh.
32	Giới trong giáo dục và đào tạo (Gender in Education and Training) DHGS04	Học phần Giới trong Giáo dục và Đào tạo cung cấp cho sinh viên tổng quan các khái niệm và kiến thức cơ bản về giới cũng như các vấn đề về giới trong lĩnh vực giáo dục như: Tiếp cận giáo dục cho trẻ em trai và trẻ em gái; làm thế nào để đạt được giáo dục bình đẳng và có chất lượng; bình đẳng giới trong giảng dạy tại trường học, trong giáo dục cho người lớn; lồng ghép giới trong chương trình và sách giáo khoa; phòng ngừa bạo lực học đường trên cơ sở giới... Từ đó học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích thực trạng, nguyên nhân cho bất bình đẳng giới trong giáo dục ở Việt Nam thông qua các nghiên cứu trường hợp điển hình trong và ngoài nước.
33	Giới trong dân số và gia đình (Gender in Population and Family) DHGS05	Học phần Giới trong Dân số và Gia đình bao gồm 4 chương, bao gồm các kiến thức lý luận và thực tiễn: - Chương 1 và Chương 2 cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Dân số và Gia đình. - Chương 3 và Chương 4 phân tích các vấn đề Giới trong dân số và phát triển, Giới trong gia đình và phát triển dựa trên các vấn đề thực tế theo bối cảnh kinh tế xã hội hiện nay, các vấn đề phát sinh và chỉ ra một số giải pháp giải quyết vấn đề.
34	Giới trong khoa học và công nghệ (Gender in Science and Technology) DHGS09	Học phần Giới và Khoa học công nghệ gồm 4 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chủ yếu sau đây: - Kiến thức cơ bản về giới, khoa học và công nghệ

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
		- Bình đẳng giới trong tham gia và phát triển khoa học công nghệ - Bình đẳng giới trong tiếp cận, ứng dụng và thụ hưởng khoa học công nghệ - Phân tích và lồng ghép giới trong chính sách khoa học công nghệ
35	Giới và truyền thông đại chúng (Gender and Mass Communication) DHGH03	Môn học gồm 4 chương, trong đó: Chương 1: Nhập môn Giới và truyền thông đại chúng Chương 2: Phân tích giới trên truyền thông đại chúng Chương 3: Lồng ghép giới trong các hoạt động truyền thông trên truyền thông đại chúng Chương 4: Một số mô hình truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới trên thế giới và ở Việt Nam
36	Đánh giá tác động giới (Gender Impact Assessment) DHGS15	Học phần Đánh giá tác động giới cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về kỹ năng này như khái niệm, hoàn cảnh, lịch sử ra đời, ý nghĩa, mục đích, đặc điểm cũng như quy trình Đánh giá tác động giới; mối liên hệ giữa đánh giá tác động giới và đánh giá tác động xã hội. Ngoài ra học phần giúp sinh viên cập nhật các cơ sở lý luận cần thiết nhằm thực hiện đánh giá tác động giới.. Một phần quan trọng của học phần này là hướng dẫn quy trình đánh giá tác động giới gồm 6 bước cơ bản. Sau mỗi bước sinh viên sẽ được thực hành; hoàn thiện báo cáo thực hành Đánh giá tác động giới vào cuối kỳ. Học phần này chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành đánh giá tác động giới một chương trình, kế hoạch, dự án hay trong một tổ chức/ cơ quan hoặc một vấn đề phát triển trong cuộc sống. Ngoài ra, Học phần Đánh giá tác động giới còn củng cố các kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình cho sinh viên.
37	Giới trong Chăm sóc sức khỏe (Gender in Health care)	Học phần Giới trong Chăm sóc sức khỏe nghiên cứu những kiến thức liên quan đến Giới trong chăm

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
	DHGS07	sóc sức khỏe, bao gồm: Các khái niệm cơ bản về Giới, sức khỏe và chăm sóc sức khỏe; Những vấn đề sức khỏe và khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của phụ nữ và nam giới hiện nay; Các chính sách liên quan tới vấn đề chăm sóc sức khỏe cũng như những tác động khác nhau của các chính sách tới nam và nữ; Ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội tới sức khỏe và chăm sóc sức khỏe của nam và nữ.
38	Nghịệp vụ công tác phụ nữ (Women's Work) DHGH06	Sau khi học xong, sinh viên hệ thống hóa được vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Hội LHPN Việt Nam, đóng vai trò là một thành tố chính trị trong hệ thống chính trị của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, vai trò thành viên kết nối phụ nữ trong khu vực ASEAN và quốc tế; Vận dụng các hoạt động của Hội LHPN Việt Nam tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước và đại diện chăm lo, bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của hội viên, phụ nữ trên cả nước; xứng đáng là tổ chức đại diện cho giới, đoàn kết, tập hợp các lực lượng phụ nữ vì bình đẳng giới và phát triển bền vững.
39-40	Giới trong phát triển nông thôn bền vững (Gender in Sustainable Rural Development) DHGS08	Học phần gồm 5 chương tập trung vào trình bày các lý thuyết liên quan tới giới và phát triển bền vững; các chính sách và chương trình phát triển nông thôn bền vững ở Việt Nam dưới góc độ giới; các vấn đề giới trong phát triển nông thôn; lồng ghép giới trong phát triển nông thôn bền vững ở Việt Nam.
	Giới, văn hóa và phát triển (Gender, Culture and Development) DHGH05	Học phần gồm 4 chương: Chương 1 ngoài giới thiệu đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu học phần giới, văn hóa và phát triển còn tập trung vào một số khái niệm, đặc điểm cơ bản về văn hóa, giới và phát triển. Chương 2 tập trung vào mối tương tác giữa Văn hóa và giới trong sự phát triển. Chương này sẽ đi sâu tìm hiểu về các thành tố văn hóa có tác động tới quyền và sự phát triển của phụ nữ trong gia đình và xã hội; vấn đề về giới, bình đẳng giới và phát triển. Phần này cũng đề cập tới một số vai trò cơ bản của phụ nữ trong sự phát

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
		triển. Chương 3 bàn về ảnh hưởng của văn hóa tới mối quan hệ giới ở Việt Nam hiện nay. Chương 4 bao gồm các chuyên đề cụ thể trong đó giúp sinh viên vận dụng những lý thuyết đã học để tìm hiểu sâu hơn về ảnh hưởng của văn hóa tới việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay đồng thời đưa ra những giải pháp của mỗi vấn đề thực tiễn đó.
	Giới và môi trường (Gender and Environment) DHGX07	Học phần Giới và môi trường bao gồm 3 chương với nội dung nghiên cứu các vấn đề liên hệ giữa giới và môi trường, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng bước đầu của việc lồng ghép giới trong các dự án môi trường, thực hành lồng ghép giới trong đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
	Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (Prevention and combating gender-based violence) DHGS06	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bạo lực trên cơ sở giới, các quy định chung của pháp luật Việt Nam và quốc tế trong việc phòng ngừa và xử lý các hành vi bạo lực, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; cũng như những quy định về trách nhiệm của Nhà nước và các ban ngành, địa phương trong việc phòng chống bạo lực trên cơ sở giới. Nội dung chủ yếu của học phần này được thiết kế thành 6 vấn đề: (1) Khái quát về bạo lực trên cơ sở giới; (2) Thực trạng và các hình thức bạo lực trên cơ sở giới hiện nay; (3) Luật pháp, chính sách về phòng chống bạo lực giới ở trên thế giới và Việt Nam; (4) Các biện pháp phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; (5) Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; (6) Quyền và trách nhiệm của các chủ thể trong phòng chống bạo lực trên cơ sở giới
41-42	Soạn thảo văn bản hành chính (Prepare administrative documents) DHLH14	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về văn bản hành chính và kỹ năng soạn thảo một số loại văn bản hành chính trong tình huống cụ thể như: nghị quyết, quyết định, công văn, tờ trình, thông báo, báo cáo, biên bản,

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
		chương trình, kế hoạch, hợp đồng, nội quy, quy chế.
	Tổ chức sự kiện (Event management) DHCB10	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: Tổng quan về sự kiện, tổ chức sự kiện, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; Quy trình tổ chức sự kiện từ công tác lập kế hoạch, triển khai, thực hiện, giám sát đến xử lý các tình huống có thể phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng để tổ chức một số các sự kiện trong phạm vi Khoa, Học viện. Học phần gồm 2 chương: - Chương 1: Tổng quan về hoạt động tổ chức sự kiện - Chương 2: Quy trình tổ chức sự kiện
	Kỹ năng tư duy (Thinking skills) DHTL19	Học phần Kỹ năng tư duy trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ năng tư duy, trên cơ sở những kiến thức thu được người học có thể hình thành và phát triển những kỹ năng này. Học phần bao gồm 4 chương với các nội dung cụ thể như sau: § Chương 1: Khái quát về kỹ năng tư duy § Chương 2: Kỹ năng tư duy tích cực § Chương 3: Kỹ năng tư duy sáng tạo § Chương 4: Kỹ năng tư duy phản biện
	Kỹ năng tuyên truyền vận động giới (Gender advocacy skills) DHGH10	Nội dung Học phần gồm 4 chương: Chương 1. Một số khái niệm cơ bản về tuyên truyền vận động về giới: lý thuyết chung về tuyên truyền, giáo dục, thông tin và tuyên truyền vận động, một số khái niệm then chốt về giới, bình đẳng giới. Chương 2. Kỹ năng lập kế hoạch tuyên truyền vận động về giới: trang bị về cách thức kỹ năng thực hiện các bước trong quy trình tuyên truyền vận động: phân tích thực trạng; phân tích đối tượng; thiết kế chiến lược và xây dựng mục tiêu; lựa chọn

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
		phương pháp và công cụ tuyên truyền vận động về giới; thiết kế thông điệp và xây dựng tài liệu; thực hiện và quản lý; đánh giá và duy trì. Chương 3. Kỹ năng vận động về giới qua phương tiện thông tin đại chúng gồm: Giới thiệu chung một số phương tiện thông tin đại chúng cơ bản. Hướng dẫn kỹ năng tuyên truyền vận động giới qua báo viết, báo hình (truyền hình) và kỹ năng truyền thông vận động về giới qua đối thoại trực tiếp và qua thuyết trình tại hội nghị, hội thảo. Chương 4: Kỹ năng tuyên truyền vận động trực tiếp về giới: Giới thiệu khái niệm, đặc điểm và điều kiện tổ chức đối thoại trực tiếp. Hướng dẫn kỹ năng tuyên truyền vận động về giới qua đối thoại trực tiếp và qua thuyết trình tại hội nghị hội thảo.
	Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển (Development Project Design and Management Skill) DHGH12	Học phần gồm 5 chương, trong đó chương 1 giới thiệu những khái niệm cơ bản về xây dựng và quản lý dự án phát triển bao gồm chu trình dự án phát triển, tầm quan trọng của sự tham gia của cộng đồng trong dự án phát triển, những yếu tố quyết định thành công của dự án phát triển và một số thuật ngữ liên quan đến xây dựng và quản lý dự án phát triển. Chương 2 đến chương 4 sẽ tập trung vào một số nội dung chính của 3 giai đoạn chính của chu trình dự án bao gồm xây dựng và lập kế hoạch dự án, phân tích và thẩm định dự án, thực hiện và quản lý dự án. Chương 5 là một số nội dung liên quan đến gây quỹ và huy động nguồn lực thực hiện dự án phát triển. Mục tiêu của môn học này là sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể viết được một đề xuất dự án hoàn chỉnh và biết được một số cách thức gây quỹ và huy động nguồn lực để thực hiện dự án phát triển.

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
43	Thực hành phân tích, lồng ghép giới (Gender Analysis and Gender Mainstreaming Practicing) DHGS16	Thực hành Phân tích và lồng ghép giới được chia làm bốn giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên, gồm 3 phần. Phần một, sinh viên được hướng dẫn trên lớp các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành theo nhóm; phần hai sinh viên thảo luận, thực hành theo nhóm các kỹ năng của phân tích và lồng ghép giới. Phần 2 chia làm 2 nhóm hoạt động. Hoạt động 1: Các nhóm sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích và lồng ghép giới dựa trên 01 tài liệu dự án có sẵn (do giảng viên cung cấp). Hoạt động 2: Sinh viên thực hành theo nhóm, tự xác định chủ đề, xây dựng chương trình/hoạt động trên cơ sở xác định các vấn đề giới trong chủ đề đó, xác định các giải pháp đồng thời tiến hành lồng ghép giới nhằm giải quyết các vấn đề giới đã xác định. Phần 3, các nhóm sinh viên hoàn thiện kết quả thực hành theo hướng dẫn của giảng viên, tham gia buổi tổng kết, rút kinh nghiệm trên lớp.
44	Thực hành xây dựng và quản lý dự án phát triển (Development Project Design and Management Practice) DHGH13	Học phần chia làm 3 giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên: Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng và công cụ phục vụ cho quá trình đi thực hành; Phần thứ hai, sinh viên trực tiếp thực hành các thức xây dựng và lập kế hoạch quản lý 1 dự án phát triển; Phần cuối, sinh viên hoàn thiện đề xuất dự án và báo cáo kết quả sau đợt thành hành trước lớp dưới sự đánh giá của giảng viên và chuyên gia theo từng lĩnh vực.
45	Thực hành tuyên truyền vận động giới (Practising of gender advocacy skills) DHGH11	Học phần chia làm 3 giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên: Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng và công cụ phục vụ cho quá trình đi thực hành; Phần thứ hai, sinh viên trực tiếp thực hành các kỹ năng tuyên truyền, vận động về giới theo các chủ đề lựa chọn nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới đang tồn tại

STT	Học phần (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả tóm tắt học phần
		trong cộng đồng; Phần cuối, sinh viên hoàn thiện các sản phẩm thực hành và báo cáo kết quả sau đợt thành hành trước lớp dưới sự đánh giá của giảng viên và chuyên gia theo từng lĩnh vực.
48	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship) DHGH14	Học phần thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình cử nhân Giới và Phát triển. Sinh viên tới cơ sở thực tập, thực tập trong khoảng thời gian 6-8 tuần, sinh viên nộp lại các sản phẩm theo yêu cầu bao gồm Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Nhật ký thực tập, và Nhận xét của cơ sở thực tập.
49-50	Khóa luận tốt nghiệp (Final Thesis) DHGH15 Hoặc với sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận: Học 2 học phần thay thế trong các môn kiến thức chuyên sâu tự chọn mà sinh viên chưa chọn.	Học phần khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giới và Phát triển. Học phần này nhằm mục đích vừa là điều kiện tốt nghiệp vừa là một tiêu chí đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu của sinh viên thông qua việc cho điểm hay các mức độ như đạt, khá, giỏi, xuất sắc. Khóa luận là một công trình khoa học, có ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn, các số liệu và các nguồn tài liệu phải chính xác, rõ ràng; văn phong mạch lạc và hình thức trình bày phải theo quy định tại Học viện Phụ nữ Việt Nam.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN



PGS, TS. Trần Quang Tiến